

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BTH GTNT VÀ ĐƯỜNG ĐH
NĂM 2016 CỦA HUYỆN NÚI THÀNH

Kính gửi: Sở Giao thông Vận Tải Quảng Nam

1. Về kết quả thực hiện BTH GTNT:

Năm 2016, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 về việc giao kế hoạch BTH GTNT năm 2016 cho các địa phương; với tổng số 41,38Km và 63 cống các loại; với tổng giá trị dự toán theo mẫu là 31,65 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh và huyện hỗ trợ: 21,68 tỷ đồng; ngân sách địa phương và nhân dân đóng góp 9,97 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu tập trung cho các xã xây dựng NTM đạt chuẩn vào 2020,

Đến nay hầu hết các địa phương đang triển khai công tác giải phóng mặt bằng, làm nền đường, huy động vốn đóng góp, hoàn thiện hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật để trình phê duyệt; dự kiến công tác triển khai xây dựng sẽ hoàn thành vào 30/9/2016, danh mục cụ thể cho từng địa phương theo phụ lục kèm theo;

2. Về kết quả triển khai đường ĐH:

Năm 2016, UBND tỉnh giao kế hoạch cho huyện cứng hóa đường ĐH với tổng chiều dài 1,8km, UBND huyện đã giao cho Phòng KT&HT làm chủ đầu tư, Phòng KT&HT đã thực hiện xong công tác chuẩn bị đầu tư, hiện nay các dự án đang triển khai công tác đấu thầu xây lắp và dự kiến sẽ hoàn thành vào 30/8/2016;

3. Các thuận lợi, khó khăn:

Những thuận lợi

Qua việc thực hiện đề án giao thông nông thôn cho thấy đây là một chủ trương đúng đắn của Đảng đi vào lòng dân, được nhân dân tích cực ủng hộ, huy động được nguồn lực trong dân để thực hiện, đặc biệt là tinh thần làm chủ trong nhân dân nâng lên rõ rệt, tiềm lực huy động vốn còn rất lớn, đạt vượt mức theo tinh thần của Nghị quyết Đảng bộ huyện đề ra.

Huy động mọi nguồn lực, nâng cao quyền làm chủ ở cơ sở (mọi người, mọi tổ chức đều có nghĩa vụ tham gia góp vốn, góp công sức để xây dựng)

Sau khi các tuyến đường GTNT của các địa phương được triển khai thực hiện đã làm thay đổi được bộ mặt toàn diện của nông thôn, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo phát triển kinh tế xã hội; đặc biệt là việc đi lại của các em học sinh đến trường và lưu thông hàng hoá cho nhân dân địa phương, giá trị hàng nông sản của bà con nhân dân cũng đã tăng lên rõ rệt, để tiêu thụ; đất đai dọc



các tuyến đường này cũng tăng lên rất lớn so với giá trị trước đây, đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Công tác lãnh, chỉ đạo của UBND huyện cũng như của các cơ quan chuyên môn được tập trung cao, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các địa phương, tổ chức họp giao ban, đánh giá rút kinh nghiệm, do đó hầu hết các địa phương thực hiện ngày càng tốt hơn;

Những Khó khăn

. Nguồn vốn hỗ trợ của tỉnh còn bị hạn chế nên chưa đáp ứng nhu cầu của nhân dân; theo Nghị quyết số 159/2015/NQ-HĐND ngày 07/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016 - 2020 và QĐ số 2740/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh thì nguồn kinh phí hỗ trợ của tỉnh cho đề án huyện Núi Thành khoảng 10 tỷ đồng để đầu tư cho 21,23km

Trong khi đó nhu cầu KCH GTNT của huyện Núi Thành cần xây dựng là: 338,36Km đường GTNT cho các địa phương, nhưng do nguồn kinh phí có hạn nên UBND huyện Núi Thành đã xây dựng đề án GTNT 2016-2020 với tổng số 124,99km đã được HĐND huyện thông qua và UBND huyện đã ban hành quyết định phê duyệt tại QĐ số 01/2016/QĐ-UBND ngày 29/01/2016, với tổng kinh phí khoảng 100,698 tỷ đồng (Ngân sách tỉnh: 49,949 tỷ đồng; Ngân sách huyện: 21,741 tỷ đồng, nhân dân đóng góp: 29.007 tỷ đồng) để xây dựng cho 124,99 km (trong đó 7 xã NTM: 83,34km; 64,685 tỷ) .

Như vậy trước mắt nguồn vốn ngân sách huyện ứng phần ngân sách đối ứng của tỉnh chưa có trong đề án của tỉnh để thực hiện là: 39.949 tỷ đồng. Đề nghị HĐND & UBND tỉnh, Sở GT-VT quan tâm cân đối bố trí cho các xã xây dựng NTM. Trước mắt năm 2016 phân bổ cho huyện Núi Thành 14,62 tỷ đồng phần vốn hỗ trợ của tỉnh để thực hiện 41,38km theo kế hoạch của huyện đã giao cho các địa phương;

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện GTNT 5 tháng đầu năm 2016 của huyện Núi Thành; Kính đề nghị UBND tỉnh, sở GTVT, tiếp tục quan tâm tạo điều kiện để Đề án phát triển GTNT huyện Núi Thành giai đoạn 2016-2020 hoàn thành các chỉ tiêu đề ra; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn đạt các chỉ tiêu Nông thôn mới./.

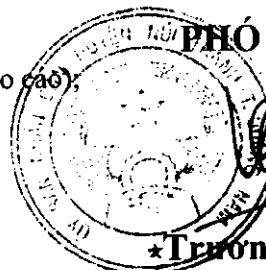
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: 

- Như trên
- TTTV; TT HĐND; TT UBNDTTQVN (Báo cáo);
- CT; các PCT UBND huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT; KT&HT;



***Trương Văn Trung**

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HÓA GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2016
CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NÚI THÀNH
(Kèm theo Quyết định số: 1264/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND huyện Núi Thành)

TT	Tên đường (tuyến)	Mặt đường		Công thoát nước (cái)			Ghi chú
		Chiều dài (Km)	Bề rộng mặt đường (m)	30cm	50cm	70cm	
	TỔNG CỘNG	41,382		16	16	31	
A	Các xã xây dựng nông thôn mới 2016-2020	28,986		7	12	2	
I	Xã Tam Giang	4,986		0	0	0	
1	Đường ông Hòa – ông Tuấn (Thôn Đông Bình)	0,810	3,5				
2	Đường ông Ba Cắn (Gò Mây) (Thôn Đông An)	0,190	3,0				
3	Đường bà Hai Kha (Thôn Đông An)	0,195	3,0				
4	Đường ông Dân (Thôn Đông Xuân)	0,260	3,0				
5	Đường ông Túc-ông Nguyễn (Thôn Đông Bình)	0,870	3,5				
6	Đường ông Linh (Thôn Đông Mỹ)	0,821	3,0				
7	Đường ông Trọ (Thôn Thuận An)	0,310	3,0				
8	Đường ông Chúng (Thôn Thuận An)	0,200	3,0				
9	Đường ông Toàn (Thôn Thuận An)	0,150	3,0				
10	Đường ông Tồn (Thôn Đông An)	0,250	3,0				
11	Đường ông Quán (Thôn Đông Xuân)	0,400	3,0				
12	Đường ông Hai Luận (Thôn Đông An)	0,250	3,0				
13	Đường ông Chín Phụng (Thôn Thuận An)	0,280	3,0				
II	Tam Tiến	5,991		0	8	1	
1	Nhà ông Trần Đình Long đến nhà ông Nguyễn Thanh Tuấn (Thôn Tân Lộc)	1,200	4,0				
2	Nhà ông Nguyễn Tứ đến cầu số 2 (Thôn Tiến Thành)	1,100	4,0				
3	Nhà ông Nguyễn Quang Nam đến nhà Ông Nguyễn Sanh (Thôn Lộc Ngọc)	0,850	3,0		8		
4	Cổng Làng Hà Quang đến nhà bà Hoa (Thôn Hà Quang)	0,180	3,0				
5	Nhà ông Nguyễn Thanh Bình đến trại Ut Duyên (Thôn Hà Quang)	0,315	3,0				
6	Nhà ông Phạm Bình đến trạm Viettel (Thôn Lộc Đông)	0,282	3,0				
7	Nhà ông Văn (bà Hiền) đến nhà 2 Đức (Thôn Bình Phú)	0,345	3,0			1	
8	Đường Thanh Niên đến trại ông Hợi (Thôn Bình Phú)	0,170	3,0				
9	Trại ông Hợi đến ông Xuân đến đường Thanh niên (Thôn Bình Phú)	0,350	3,0				
10	Từ chùa Tân Lộc đến nhà ông Phan Dục (Thôn Tân Lộc)	0,130	3,0				
11	Nhà Ông Quán đến nhà ông Bùi Tấn Đề (Thôn Long Thạnh)	0,170	3,0				
12	Nhà Nguyễn Huệ Hùng đến Biển (Thôn Long Thạnh)	0,120	3,0				
13	Nhà Bà Hạnh đến nhà Nguyễn Văn Nu (Thôn Long Thạnh)	0,164	3,0				
14	Nhà Lê Phiến đến nhà Nguyễn Việt Thu (Thôn Long Thạnh)	0,185	3,0				
15	Từ đường giáp 02 thôn Hà Quang -Phước Lộc	0,100	3,0				
16	Đường Thanh Niên đến giáp Cát Vàng (Thôn Hà Quang)	0,330	3,0				
III	Xã Tam Nghĩa	5,293		0	0	0	
1	Chợ Chu Lai - Bà Bảy	0,400	3,0				
2	Quốc lộ 1A - Ông Hợp	0,460	3,5				
3	Nhà Ông Đăm - ĐT 620	0,540	3,5				
4	ĐT 618 - Ông Song	0,550	3,0				
5	Ông Chiến - Bà Quận - Ông Huỳnh	0,950	3,0				
6	Ông Toán - Ông Đức	0,180	3,0				
7	Nhà văn hóa thôn - Ông Tiến	0,500	3,0				
8	Ông Hoàn - Ông Đông	0,450	2,5				
9	Ông Chính - Ông Khánh	0,220	2,5				
10	Ông Tạc - Bà Nhận	0,350	2,5				
11	Ông Cường - Ông Thor	0,350	2,5				
12	Ông Kiện - Ông Long (Đoạn Ông Kiện- Ông Minh)	0,343	3,0				
IV	Xã Tam Mỹ Tây	3,158		4	1	1	
1	Cổng văn hóa tổ 2- Ngõ Lập	0,593	3,0	2		1	
2	Ngõ Bà Niệm- Ngõ Ngươn	0,395	3,0				
3	Ngõ Hà- Bình Bình	0,310	3,0		1		
4	Tuyến Đông An (Ngõ Sơn- Ngõ Thán)	0,610	3,0	2			
5	Cổng tổ 3- Nhà văn hóa thôn Trung Chán (Công tổ 3- Ngõ 2 cang)	0,200	3,0				

TT	Tên đường (tuyến)	Mặt đường		Công thoát nước (cái)			Ghi chú
		Chiều dài (Km)	Bề rộng mặt đường (m)	30cm	50cm	70cm	
6	Tuyến vào Nhà văn hóa Trung Lương (ĐH7- Trương Mậu Giáo)	0,130	3,0				
7	Tuyến Bàu- Ngõ Vệ	0,320	3,0				
8	Ngõ Vệ- Ngõ Hoàng	0,180	3,0				
0	Tuyến Cây Cốc (Ngõ Hiếu-trại 3 Sơn)	0,420	3,5				
V	Xã Tam Anh Nam	3,514		3	3	0	
1	Mẫu Giáo Mỹ Sơn - Bê tông Nam Định	0,284	3,0	1			
2	Đường nhà ông Quốc - bà Hồng	0,384	3,0		1		
3	Nhà Ông Bình - Bùi Cầu	0,216	3,0				
4	Mẫu Giáo - Bà Biền (Thôn Diêm Phô)	0,355	3,0		1		
5	Nhà Lý Cao Phước-Chợ mới- Ga Diêm Phô	0,220	3,0				
6	Đội 2 - Ông Lắm (Thôn Mỹ Sơn)	0,320	3,0				
7	Nhà bà Nại - Đường sắt (Thôn Tiên xuân 1)	0,105	3,0				
8	Nhà Ông Mai Bồi- nhà Ông Cầu (Thôn Tiên Xuân 1)	0,200	3,0				
9	Bê tông tổ 3 - Ông Thảng (Thôn Tiên Xuân 2)	0,500	3,0				
10	Nhà văn hóa - Tổ 3 (Thôn Tiên Xuân 2)	0,160	3,0				
11	Nhà Ông Danh - Ông Ny (Thôn Tiên Xuân 2)	0,150	3,0				
12	Đường Sắt - Ông Phú	0,620	3,0	2	1		
VI	Xã Tam Quang	3,154		0	0	0	
1	Cầu Trung Toàn đến nhà ông Huỳnh Hòe (Thôn Sâm Linh Đông)	0,205	3,0				
2	Tuyến nhà Ông Trần Hạnh-vườn Bà Thuận (Thôn An Lấp)	0,290	3,0				
3	ĐT 618 đến nhà ông Phạm Văn Thành (Thôn Trung Toàn)	0,376	3,0				
4	ĐT 618 đến nhà ông Bùi Ngọc Thành (Thôn Trung Toàn)	0,204	3,0				
5	Nhà ông Huỳnh Bảo đến nhà ông Võ Văn Cư (Thôn Trung Toàn)	0,145	3,0				
6	Nhà ông Huỳnh Cường đến nhà ông Nguyễn Tấn Long (Thôn Trung Toàn)	0,284	3,0				
7	Tuyến đường Ông Nguyễn Phương-Nhà Ông Ngọc Việt (Thôn Thanh Long)	0,406	3,0				
8	Nhà ông Nguyễn Ánh đến nhà ông Phạm Quốc Vũ (Thôn Xuân Trung)	0,240	3,0				
9	Nhà ông Nguyễn Vũ đến nhà ông Trương Mân (Thôn Xuân Trung)	0,171	3,0				
10	Nhà ông Châu Ngọc Thêm đến nhà bà Bùi Thị Hiền (Thôn Xuân Trung)	0,833	3,0				
VII	Xã Tam Hải	2,890		0	0	0	
1	Nhà Ông chín- Biền (Thôn Thuận An)	0,120	2,5				
2	Nhà Ông Quang- Nhà Ông Giáo (Thôn Thuận An)	0,230	2,5				
3	Nhà Ông An- Khu di tích Làng Dừa (Thôn Thuận An)	0,230	3,0				
4	Nhà Ông Niêm- biền (Thôn Thuận An)	0,170	2,5				
5	Nhà Ông Văn - khu mộ cá ông ra biển (Thôn Thuận An)	0,250	3,0				
6	Nhà ông Hùng - nhà ông Anh (Thôn Long Thạnh Đông)	0,195	3,0				
7	Nhà ông Bá- Nhà Ông Việt (Thôn Long Thạnh Đông)	0,153	2,5				
8	Nhà ông Học - nhà ông Sửu (Thôn Bình Trung)	0,250	3,0				
9	Nhà ông Vũ - nhà ông Cường (Thôn Bình Trung)	0,190	3,0				
10	Nhà Bà Hạnh- Bà Giờ (Đoạn bà Hạnh- Nhà Ô Nghĩa) (Thôn Tân Lập)	0,475	3,5				
11	Nhà Ông Tin- Khu tái định cư (Thôn Tân Lập)	0,170	3,5				
12	Nhà Ông Dự- nhà Ông Sang (Thôn Tân Lập)	0,157	3,0				
13	Nhà Ông Minh- nhà Ông Can (Thôn Tân Lập)	0,300	2,5				
B	Các xã không xây dựng nông thôn mới 2016-2020	5,466	0,000	9	4	4	
I	Xã Tam Anh Bắc	2,707		9	1	2	
1	Quốc lộ 1A (nhà ông 6 La) đến Lò Gạch (Thôn Lý Trà)	0,365	3,0				
2	Quốc lộ 1A (nhà bà Anh) đến nhà ông Quyền (Thôn An Lương)	1,249	2,5	4	1	1	
3	Đường bê tông (nhà ông Xuất) đến kênh N28 (Thôn Đức Bó 2)	0,593	3,0	3			
4	Đường Quốc Phòng (nhà ông Nhựt) đến nhà Bà Hiệp (Thôn Đức Bó 1)	0,500	3,0	2		1	
II	Thị trấn Núi Thành	0,725		0	0	0	
1	Đường bên Chi Cục Thuế đi giáp đường Phan Châu Trinh	0,310	3,0				
2	Đường Phan Chu Trinh đi nhà ông Huệ	0,180	3,0				
3	Đường Phan Chu Trinh đất bà Xuân, bà Hiếu	0,110	3,0				
4	Đường nhà ông Bùi Văn Bạch đi nhà ông Đỗ Phụng	0,125	3,0				
III	Xã Tam Hiệp	2,034		0	3	2	
1	Ông Mát đi kênh chính Tam Mỹ Tây	0,150	3,0			1	

TT	Tên đường (tuyến)	Mặt đường		Công thoát nước (cái)			Ghi chú
		Chiều dài (Km)	Bề rộng mặt đường (m)	30cm	50cm	70cm	
2	Ông Vị đi nhà ông Khanh	0,363	3,0			1	
3	Núi Đá - Ông Lập	0,671	3,5		2		
4	Tuyến 617-Ông Xuân	0,350	3,0				
5	Tuyến 617- Nghĩa trang liệt sĩ	0,500	3,0		1		
C	Các xã miền núi	6,930		0	0	25	
I	Xã Tam Trà	2,930		0	0	19	
1	Nhà bà Tầm đến nhà ông Hữu (Thôn Trường Cửu I)	0,150	3,5			1	
2	Nhà ông Trường đến nhà bà Nguyệt (Thôn Phú Đức)	0,120	3,5			1	
3	Nhà ông Cảnh đến nhà bà Liên (Thôn Phú Thành)	0,160	3,5			2	
4	Nhà ông Việt đến nhà ông A (Thôn Xuân Thọ)	0,100	3,5			1	
5	Nhà ông Thiên đến nhà Trương (Thôn Trường Cửu II)	0,330	3,5			2	
6	Cầu ông Đăng đến Đồng Ký (Đoạn cầu Hồ Nhọn-Đồng Ký) (Thôn Thuận Tân)	0,750	3,5			3	
7	Nhà Ông Phước- Ông Bường (Thôn Thuận Tân)	0,110	3,5			1	
8	Nhà Ông Hùng- Ông Đăng-Ông Cam (Thôn Thuận Tân)	0,120	3,5			1	
9	Nhà ông Đệ đến nhà ông Khôi (Thôn Phú Mỹ)	0,660	3,5			3	
10	Nhà ông Phúc đến nhà ông Tâm (Thôn Phú Mỹ)	0,110	3,5			2	
11	Trường mẫu giáo đến nhà ông Tuấn (Thôn Tứ Mỹ)	0,320	3,5			2	
II	Xã Tam Thạnh	2,000		0	0	0	
1	Ông Bình - Cầu Phú Hòa (Thôn Đức Phú)	1,000	3,5				
2	Ông Ý - Ông Dũng (Thôn Trường Thạnh)	1,000	3,5				
III	Xã Tam Sơn	2,000		0	0	6	
1	Đức Phú – Phú Hòa	2,000	3,5			6	